

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TOÀN CẦU CỦA SINH VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

● NGUYỄN HOÀNG THỊNH - NGUYỄN ĐĂNG LONG - PHAN HẢI ĐĂNG

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu kiểm định vai trò của kiến thức và sự hiểu biết, kỹ năng, thái độ và các giá trị đến cảm nhận về năng lực toàn cầu của sinh viên (SV). Kết quả cho thấy, yếu tố về “thái độ và giá trị” đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực toàn cầu của SV, yếu tố kiến thức và kỹ năng cũng được chứng minh có tác động tích cực đến năng lực toàn cầu của SV. Kết quả nghiên cứu đã đóng góp vào kết quả nghiên cứu thế giới bằng cách xác nhận công cụ đo lường năng lực toàn cầu dành cho SV tại Việt Nam và xác nhận bằng thực nghiệm khung lý thuyết năng lực toàn cầu.

Từ khóa: năng lực toàn cầu, sinh viên, trường đại học, toàn cầu hóa.

1. Đặt vấn đề

Không có gì ngạc nhiên khi quốc tế hóa đã trở thành một xu hướng phát triển giáo dục đại học trên toàn thế giới. Trong bối cảnh này, cần phải tăng cường kết nối quốc tế và toàn cầu của giáo dục đại học và SV tốt nghiệp, phát triển quyền công dân toàn cầu cho tất cả SV (Moskal & Schweisfurth, 2018). Do đó, SV đại học được kỳ vọng sẽ phát triển năng lực liên văn hóa để tương tác thành công với các lực lượng lao động ngày càng đa dạng (Griffith và cộng sự, 2016). Năng lực toàn cầu (Global Competence), trên thực tế, đã trở thành một năng lực quan trọng cho cả SV đại học để giao tiếp và hợp tác quốc tế, ví dụ, làm việc tại các công ty quốc tế, xuất bản bài báo trên các tạp chí quốc tế và trình bày nghiên cứu tại các hội nghị quốc tế.

Năng lực toàn cầu quan trọng đến mức một số tổ chức quốc tế và cơ quan kỷ luật cũng đang nhấn mạnh đến GC, chẳng hạn như Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) (Deardorff, 2015). OECD nhấn mạnh Năng lực toàn cầu ảnh hưởng ngày càng mạnh đến các quá trình toàn cầu hóa (Sälzer & Roczen, 2018)

và Năng lực toàn cầu thậm chí còn được đưa vào như một lĩnh vực mới trong Chương trình Đánh giá học sinh quốc tế (PISA).

Năng lực của SV luôn là một chủ đề được quan tâm và tìm hiểu nhất là trong giai đoạn hiện nay khi thị trường lao động đang chịu sự ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa và tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ. Năng lực toàn cầu (Global Competence) đã trở thành một năng lực quan trọng đối với SV đại học nhằm chuẩn bị tham gia hòa nhập cùng thị trường lao động quốc tế.

Các nghiên cứu trước đây đã đưa ra nhiều định nghĩa, khuôn khổ và các công cụ cho năng lực toàn cầu hoặc liên văn hóa (Byram, 1997; Deardorff, 2006; Hunter và cộng sự, 2006; Li, 2013). Mặc dù sự gia tăng các đề tài nghiên cứu về năng lực toàn cầu trong những thập kỷ gần đây đã nâng cao hiểu biết của chúng ta về cấu trúc và tạo ra nhiều thước đo năng lực toàn cầu. Tuy nhiên, không có nghiên cứu nào trong số này tập trung vào việc đo lường năng lực toàn cầu ở SV mà chủ yếu tập trung ở người lao động. Chính vì thế, một nghiên cứu mới cần được tiến hành nhằm xác định cụ thể các thành phần của năng lực toàn

cầu phù hợp với đối tượng SV đại học. Đó là lý do để tác giả thực hiện bài viết này.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm về năng lực toàn cầu

Các nghiên cứu trên thế giới sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ năng lực toàn cầu, chẳng hạn như “năng lực liên văn hóa” (Deardorff, 2006; Fantini, 2009), “công dân toàn cầu” (Shiel, 2007). Thật khó để đưa ra một định nghĩa thống nhất về cấu trúc này vì nó vẫn đang phát triển theo thời gian (Deardorff, 2006). Một định nghĩa được sử dụng khá nhiều vào thập niên 90 của Byram (1997) mô tả năng lực toàn cầu là kiến thức, thông tin về người khác, về bản thân; bên cạnh đó năng lực toàn cầu gồm kỹ năng diễn giải và liên hệ, kỹ năng khám phá và tương tác, đánh giá phẩm chất, niềm tin và hành vi của người khác và tương đối hóa bản thân của một người. Năng lực toàn cầu gồm 5 thành phần cấu thành: kiến thức về thế giới, trình độ ngoại ngữ, sự đồng cảm văn hóa, sự hòa nhập với lối sống và văn hóa nước ngoài, khả năng thực hành nghề nghiệp của một người trong môi trường quốc tế (Deardorff, 2006).

Một thời gian dài sau, Hunter và các cộng sự (2006) đã thực hiện các cuộc thảo luận với các đại diện từ các doanh nghiệp đa quốc gia, các giám đốc nhân sự thuộc các tập đoàn xuyên quốc gia, các nhà giáo dục quốc tế cấp cao, các quan chức Liên hợp quốc và đại sứ quán, các chuyên gia đa văn hóa và đưa ra một định nghĩa thống nhất cho năng lực toàn cầu. Theo đó, năng lực toàn cầu bao gồm các kỹ năng chung (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề), các giá trị và thái độ tích cực (khả năng phục hồi, tự tin, đánh giá cao) (Chan & Yeung, 2020) và được định nghĩa là một tư duy cởi mở khi tìm hiểu các tiêu chuẩn văn hóa trên toàn thế giới, thông qua đó đạt được các mục tiêu một cách có hiệu quả, sau đó thu được các kiến thức và biến chúng thành của riêng mình để tương tác, giao tiếp và làm việc hiệu quả trong các bối cảnh văn hóa khác nhau (Hunter và cộng sự, 2006).

2.2. Khái niệm về năng lực toàn cầu của SV

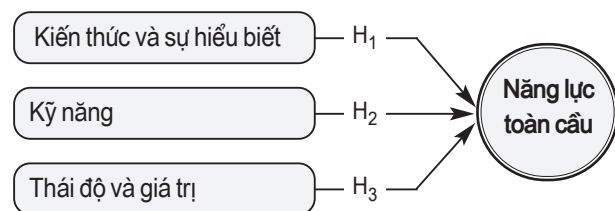
Ngày nay, năng lực toàn cầu đã trở thành một loại năng lực thiết yếu của mỗi cá nhân, chẳng hạn như việc trao đổi và hợp tác quốc tế đã và đang trở thành xu hướng chung trên toàn thế giới. Nghiên cứu của UNESCO (2016) đã chỉ ra 6 nhóm năng lực SV đại học cần có, gồm: tư duy đổi mới và sáng tạo, kỹ năng xã hội, kỹ năng cá nhân, công dân toàn

cầu, tri thức công nghệ thông tin và truyền thông và các kỹ năng khác (lối sống, tôn giáo, ...).

Báo cáo cũng chỉ ra các năng lực có xu hướng trở nên quan trọng hơn thông qua thứ tự sắp xếp của các năng lực. Năng lực tuy duy phân tích và tư duy đổi mới và năng lực học tập chủ động, học tập tích cực là những năng lực sẽ đóng một vai trò quan trọng đối với người lao động trong một khoảng thời gian dài nữa. Năng lực toàn cầu sẽ là bước đệm vững chắc cho SV khi làm việc tại các công ty đa quốc gia có thể làm việc với đồng nghiệp thuận lợi hơn; khi trình bày nghiên cứu khoa học tại các hội nghị mang tầm quốc tế và xuất bản các bài báo trên tạp chí quốc tế (Deardorff, 2015). Liu và cộng sự (2020) đã phát triển và áp dụng thang đo năng lực toàn cầu của SV dựa trên khung lý thuyết ba chiều (Kiến thức - Kỹ năng - Thái độ) và thực hiện khảo sát trên đối tượng SV Trung Quốc. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định sự phù hợp của thang đo và khả năng mở rộng nghiên cứu chuyên sâu để so sánh mối quan hệ giữa 3 thành phần trong khung lý thuyết.

Căn cứ vào các kết quả nghiên cứu của Morais và Ogden (2011), Sälzer & Roczen (2018), Crawford (2020), Liu (2020), nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 3 giả thuyết như mô tả tại Hình 1.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



H1: Kiến thức và sự hiểu biết có tác động tích cực đến cảm nhận về năng lực toàn cầu của SV

H2: Các kỹ năng có tác động tích cực đến cảm nhận về năng lực toàn cầu của SV

H3: Thái độ và giá trị có tác động tích cực đến cảm nhận về năng lực toàn cầu của SV

3. Phương pháp nghiên cứu

Khảo sát định lượng chính thức được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 4/2021. Trong giai đoạn nghiên cứu chính thức, nhóm nghiên cứu thực hiện cuộc khảo sát đối với SV tại 5 trường đại học ở TP. Hồ Chí Minh. Trong 5 trường này có 3 trường thuộc loại hình công lập (sau

đây sẽ gọi tắt là trường A, B và C) và hai trường là tư thục (sau đây gọi tắt là D và E). Phương pháp lấy mẫu theo cụm được áp dụng trong nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu đã nhờ sự hỗ trợ từ phòng quản lý đào tạo tại mỗi trường đại học, thực hiện chọn ngẫu nhiên các lớp (năm 1 và năm 4) bao gồm 30-50 SV mỗi lớp. Sau đó thực hiện khảo sát tại các lớp này. Các SV đã hoàn thành và trả lại cuộc khảo sát trong lớp học của họ. Tổng cộng, đã thu thập dữ liệu từ 452 SV. Sau khi loại bỏ một số trường hợp chất lượng kém (ví dụ: bảng câu hỏi trong đó hơn một nửa số câu trả lời bị thiếu hoặc các câu trả lời chỉ có một kết quả chọn cho tất cả các mục), đã thu được một mẫu gồm 412 trường hợp: 112 (27.18 %) từ A, 105 (25.48 %) từ B, 97 (23.54 %) từ C, 88 (21.36 %) từ D và 60 (14.56 %) từ E.

Cơ cấu giới tính của mẫu gần như được chia đôi, với 51,70% nam và 48,5% nữ. SV năm 1 chiếm tỷ lệ 51.6% mẫu, trong khi SV năm 4 chiếm 48.4%. Tỷ lệ SV đến từ lĩnh vực kỹ thuật cao nhất (30%), còn lại là từ khoa học xã hội (38%), ngoại ngữ (15%) và các ngành khác (17%).

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả xác định mức độ tập trung và khoản biến thiên các thang đo trong mô hình nghiên cứu được thể hiện qua những giá trị: trung bình, độ lệch chuẩn (Bảng 1).

Giá trị trung bình và trung vị gần giá trị 4 (trên thang đo điểm từ 1 đến 5). Điều này phản ánh mức độ đồng thuận (lệch phải) của giá trị các thang đo của từng nhóm khái niệm. Còn độ lệch chuẩn - thước đo sự khác biệt của giá trị từng quan sát so với giá trị bình quân - cũng nằm trong khoảng từ 0.71 - 1.22. Như vậy, khoản biến thiên của các thang đo không lớn hay nói cách khác là giá trị khảo sát có tính ổn định.

Kiểm tra thang đo đo lường các khái niệm:

Trong lần kiểm định dữ liệu chính thức (với $n = 412$), các thang đo của nhóm khái niệm tiếp tục được đánh giá thông qua hệ số tin cậy Cronbach's Alpha (Bảng 2) và phương pháp phân tích yếu tố khám phá EFA.

Kết quả EFA (Bảng 3) cho thấy dữ liệu đạt giá trị hội tụ do thỏa mãn điều kiện giá trị hệ số tải nhân tố lớn hơn 0.5, tổng phương sai trích là 61.728%. Kết quả EFA chính thức cũng cho thấy các thang đo phân tách thành 8 nhân tố tương ứng với cơ sở lý thuyết ban đầu.

Phương pháp SEM được sử dụng để giải thích

Bảng 1. Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các thang đo trong mô hình

Thành phần		Trung bình	Độ lệch chuẩn
Kiến thức và sự hiểu biết	KT1	4.08	0.83
	KT2	4.05	0.86
	KT3	4.35	0.78
	KT4	4.34	0.8
	KT5	4.24	0.8
	KT6	4.02	1.15
	KT7	3.95	1.03
	KT8	4.23	0.87
	KT9	3.96	0.89
	KT10	4.31	0.77
Kỹ năng	KN1	3.71	0.82
	KN2	4.86	0.92
	KN3	3.59	0.87
	KN4	3.92	0.81
	KN5	3.95	0.87
	KN6	4.16	1.05
	KN7	4.27	1.2
	KN8	4.45	1.07
	KN9	3.96	0.93
Thái độ và Giá trị	TĐ1	4.06	0.81
	TĐ2	4.33	0.76
	TĐ3	4.35	0.73
	TĐ4	4.31	0.71
	TĐ5	3.86	0.94
	TĐ6	3.79	0.91
	TĐ7	3.9	1.14
	TĐ8	3.79	0.96
	TĐ9	3.97	0.83
	TĐ10	3.94	0.92
	TĐ11	4.02	0.82

các mối quan hệ trong mô hình nghiên cứu. Đối với toàn bộ kết quả thống kê mô hình cho thấy Chi-square/df = 1.208, CFI = .917, TLI = .912, IFI = .811, GFI = .837, RMSEA = .0145. Mô hình nghiên cứu đưa ra 3 giả thuyết về các mối quan hệ giữa 3 nhóm khái niệm: “Kiến thức và sự hiểu biết”, “Kỹ năng” và “Thái độ và giá trị sống”.

Giả thuyết H1 được phát biểu: “Kiến thức và sự

Bảng 2. Kết quả Cronbach's Alpha của các khái niệm

Nhóm khái niệm	Số lượng thang đo	Cronbach's Alpha	Tình trạng sau kiểm định
Kiến thức và sự hiểu biết	10	0.865	Giữ nguyên
Kỹ năng	9	0.916	Giữ nguyên
Thái độ và giá trị	11	0.720	Giữ nguyên

Bảng 3. Kết quả phân tích nhân tố (EFA)

Kí hiệu	Kiến thức và sự hiểu biết			Kỹ năng		Thái độ và Giá trị		
	1	2	3	4	5	6	7	8
KT1	0.855							
KT2	0.762							
KT3	0.717							
KT4		0.711						
KT5		0.709						
KT6		0.702						
KT7		0.662						
KT8			0.568					
KT9			0.558					
KT10			0.519					
KN1				0.812				
KN2				0.709				
KN3				0.728				
KN4					0.829			
KN5					0.815			
KN6					0.752			
KN7					0.671			
KN8					0.586			
KN9					0.562			
TĐ1						0.812		
TĐ2						0.855		
TĐ3						0.776		
TĐ4						0.781		
TĐ5						0.706		
TĐ6							0.731	
TĐ7							0.722	
TĐ8							0.625	
TĐ9								0.726
TĐ10								0.696
TĐ11								0.601
Phương sai trích: 61.728%								

hiểu biết có ảnh hưởng tích cực đến năng lực toàn cầu của SV”. Kết quả ước lượng cho thấy mối quan hệ giữa các yếu tố thuộc Kiến thức sự hiểu biết đối với Năng lực toàn cầu của SV là 0.119 với sai lệch chuẩn se = 0.66. Ước lượng này có mức ý nghĩa thống kê $p = 0.015$. Như vậy, giả thuyết này được chấp nhận với mức ý nghĩa 5%.

Nội dung giả thuyết H2 bao gồm: “Kỹ năng có ảnh hưởng tích cực đến năng lực toàn cầu của SV”. Kết quả ước lượng cho thấy mối quan hệ giữa các yếu tố thuộc Kỹ năng và Năng lực toàn cầu là 0.102, sai số chuẩn (se) là 0.58. Giả thuyết này được chấp nhận vì $p = 0.011$ nhỏ hơn mức ý nghĩa 5%.

Giả thuyết cuối cùng H3 về mối quan hệ giữa: “Thái độ và các giá trị có ảnh hưởng tích cực đến năng lực toàn cầu của SV”, giá trị ước lượng của các yếu tố thuộc “Thái độ và các giá trị” và “Năng lực toàn cầu” là 0.192 (se = 0.57), mối quan hệ này được chấp nhận do $p = 0.008 < 0.05$.

Kết luận: Sau khi kiểm tra và phân tích số liệu nghiên cứu, kết quả cho thấy cả 3 giả thuyết đều được chấp nhận.

5. Kết luận

Toàn cầu hóa đã thúc đẩy sự phát triển của lý thuyết năng lực toàn cầu, cũng như cải thiện các công cụ đo lường năng lực toàn cầu và càng khẳng định tầm quan trọng của năng lực toàn cầu trong bối cảnh hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực. Nghiên cứu này kiểm định vai trò của kiến thức và sự hiểu biết, kỹ năng, thái độ và các giá trị đến cảm nhận về năng lực toàn cầu của SV. Kết quả cho thấy, yếu tố về “thái độ và giá trị” đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực toàn cầu của SV. Đồng thời, yếu tố kiến thức và kỹ năng cũng được chứng minh có tác động tích cực đến năng lực toàn cầu của SV. Như vậy, các thang đo được áp dụng trong nghiên cứu đảm bảo sự tương đồng, không có

sự khác biệt về kết quả so với các nghiên cứu trước đây mà không chịu sự ảnh hưởng của bối cảnh. Khi SV đã có nhận thức tích cực về vai trò của năng lực toàn cầu, nhà trường, các tổ chức đào tạo, doanh nghiệp cần phải hướng dẫn họ cách thức để nâng cao các yếu tố trong khung năng lực, nhằm giúp nâng cao năng lực toàn cầu một cách hiệu quả. Nghiên cứu này đã đóng góp vào kết quả nghiên cứu thế giới bằng cách xác nhận công cụ đo lường năng lực toàn cầu dành cho SV tại Việt Nam và xác nhận bằng thực nghiệm khung lý thuyết năng lực toàn cầu. Nhìn chung, nghiên cứu này đóng góp đáng kể về cả phương diện lý thuyết và thực tiễn để đánh giá năng lực toàn cầu của SV các trường đại học ■

Lời cảm ơn:

Kết quả nghiên cứu này là một phần trong đề tài nghiên cứu do Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh tài trợ (mã số: T2021.15.1).

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Phùng Xuân Nhạ (2021). Giáo dục chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế. Truy cập tại <https://nhandan.com.vn/dien-dan-giao-duc/giao-duc-chu-dong-hoi-nhap-va-nang-cao-hieu-qua-hop-tac-quoc-te-635395/>
2. Byram, M. (1997). Teaching and assessing intercultural communicative competence (Multilingual Matters). [Online] Available at https://spada.uns.ac.id/pluginfile.php/253332/mod_resource/content/1/ICC%20Byram.pdf
3. Chan, C. K., & Yeung, N. C. J. (2020). Students “approach to develop” in holistic competency: An adaption of the 3P model. *Educational Psychology*, 40(5), 622-642.
4. Deardorff, D. K. (2006). Identification and assessment of intercultural competence as a student outcome of internationalization. *Journal of studies in international education*, 10(3), 241-266.
5. Deardorff, D. K. (2015). Intercultural competence: Mapping the future research agenda. *International Journal of Intercultural Relations*, 48, 3-5.
6. Fantini, A. E. (2009). Assessing intercultural competence. In book: *The SAGE handbook of intercultural competence* (pp. 456-476). SAGE Publications, Inc, USA.
7. Griffith, R. L., Wolfeld, L., Armon, B. K., Rios, J., & Liu, O. L. (2016). Assessing intercultural competence in higher education: Existing research and future directions. *ETS research report series*, 2016(2), 1-44.
8. Hunter, B., White, G. P., & Godbey, G. C. (2006). What does it mean to be globally competent?. *Journal of Studies in International education*, 10(3), 267-285.
9. Li, Y. (2013). Cultivating student global competence: A pilot experimental study. *Decision Sciences Journal of Innovative Education*, 11(1), 125-143.
10. Liu, Y., Yin, Y., & Wu, R. (2020). Measuring graduate students global competence: Instrument development and an empirical study with a Chinese sample. *Studies in Educational Evaluation*, 67, 100915.
11. Morais, D. B., & Ogden, A. C. (2011). Initial development and validation of the global citizenship scale. *Journal of studies in international education*, 15(5), 445-466.
12. Moskal, M., & Schweisfurth, M. (2018). Learning, using and exchanging global competence in the context of international postgraduate mobility. *Globalisation, Societies and Education*, 16(1), 93-105.

13. OECD, F. (2016). FDI in Figures. Organisation for European Economic Cooperation Paris.
14. Crawford, E. O., Higgins, H. J., & Hilburn, J. (2020). Using a global competence model in an instructional design course before social studies methods: A developmental approach to global teacher education. *The Journal of Social Studies Research*, 44(4), 367-381.
15. Sälzer, C., & Roczen, N. (2018). Assessing global competence in PISA 2018: Challenges and approaches to capturing a complex construct. *International journal of development education and global learning*, 10(1), 5-20.
16. Shiel, C. (2007). Developing global citizens: The way forward? *International Journal of Learning*, 14(4), 153-168.

Ngày nhận bài: 9/5/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/5/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/6/2023

Thông tin tác giả:

1. NGUYỄN HOÀNG THỊNH¹

2. NGUYỄN ĐĂNG LONG¹

3. PHẠM HẢI ĐĂNG¹

¹Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

ASSESSING THE GLOBAL COMPETENCE OF UNIVERSITY STUDENTS

● NGUYEN HOANG THINH¹

● NGUYEN DANG LONG¹

● PHAM HAI DANG¹

¹Ho Chi Minh City Open University

ABSTRACT:

This study examines the role of knowledge and understanding, skills, attitudes, and values on students' perceptions of global competence. The study finds that the factors of attitudes and values play an important role in enhancing the global competencies of students. In addition, the factors of knowledge, understanding, and skills also have positive impacts on the global competencies of students. This study is expected to contribute to the global research results by validating the global competency measurement tool for students in Vietnam and empirically confirming the global competency theoretical framework.

Keywords: global competencies, students, universities, globalization.